

PHAN NGỌC - PHẠM ĐỨC DƯƠNG



Tiếp xúc ngôn ngữ ở **ĐÔNG NAM Á**

(Tái bản lần 1)



NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

PHAN NGỌC - PHẠM ĐỨC DƯƠNG

LỜI NÓI ĐẦU

TIẾP XÚC NGÔN NGỮ Ở ĐÔNG NAM Á



NHÀ XUẤT BẢN TỬ ĐIỂN BÁCH KHOA

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày thành lập bộ môn Đông Nam Á học Việt Nam (1973 - 1983), chúng tôi cho xuất bản một hệ thống công trình dưới nhan đề chung “NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á” gồm những chuyên luận của các bộ môn khoa học về Đông Nam Á:

1. Về lịch sử Đông Nam Á.
2. Về lịch sử Đông Nam Á hiện đại.
3. Về lịch sử - văn hóa ba nước Đông Dương.
4. Về khảo cổ học tiền sử Đông Nam Á.
5. Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á.
6. Văn học các nước Đông Nam Á.
7. Nghệ thuật Đông Nam Á.
8. Tìm hiểu cảnh quan đồng bằng.
9. Tiểu thuyết Indônêxia nửa đầu thế kỷ XX.
10. Cấu tạo từ tiếng Thái Lan

Đây là một phần những kết quả khoa học đầu tay và đang trong quá trình thử nghiệm của các cán bộ nghiên cứu

trong và ngoài Viện Đông Nam Á trong vòng 10 năm qua. Những công trình này vẫn còn đang là những bản thảo chưa được biên tập chu đáo, chắc chắn còn có nhiều thiếu sót. Vì vậy chúng tôi cho xuất bản dưới hình thức lưu hành nội bộ với một số lượng bản rất hạn chế để cung cấp cho các cơ quan và các cán bộ nghiên cứu quan tâm đến những vấn đề đã nêu làm tài liệu tham khảo. Chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến góp ý của bạn đọc để chuẩn bị cho lần xuất bản chính thức sau này.

Hà Nội, tháng 12 năm 1983

VIỆN ĐÔNG NAM Á
ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TIẾP XÚC NGÔN NGỮ VÀ TIẾP XÚC NGÔN NGỮ Ở ĐÔNG NAM Á

PHAN NGỌC

I. VẤN ĐỀ TIẾP XÚC NGÔN NGỮ

1. Tự thân nó, hiện tượng một tộc người nói một ngôn ngữ A phải tiếp xúc, giao tiếp với một tộc người khác nói ngôn ngữ B là chuyện hết sức bình thường. Trên thế giới không có một tộc người nào sống cô lập, không tiếp xúc với một tộc người khác, và do đó không tiếp xúc với một ngôn ngữ khác. Khi sự tiếp xúc kéo dài hàng thế kỷ, vì những nguyên nhân địa lý, hay những nguyên nhân kinh tế, buôn bán, chiến tranh, chính trị, văn hóa, tôn giáo, một ngôn ngữ A, trong sự giao tiếp với một ngôn ngữ B không thể tránh khỏi những ảnh hưởng nhất định. Có những ảnh hưởng nhất thời, chỉ biểu hiện trong một thời gian nhất định, với một nhóm người hạn chế, rồi sau đó không còn lại nữa, không nhập vào ngôn ngữ của A. Nhưng lại có những ảnh hưởng lâu dài, phổ biến, mở rộng đến toàn bộ tộc người, và sau đó nhập vào ngôn ngữ, được duy trì trong

ngôn ngữ, dù cho sự giao tiếp thay đổi. Quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội của tộc người B với tộc người A có thể bị chặn lại vì một lý do lịch sử, địa lý nào đấy, nhưng những dấu vết của ngôn ngữ B vẫn còn trong ngôn ngữ A như một chứng tích, và chứng tích này có thể tồn tại hàng ngàn năm sau khi sự giao tiếp thực tế không còn nữa.

Tuy vậy, khi nói đến tiếp xúc ngôn ngữ với tính cách một thuật ngữ ngôn ngữ học, người ta không muốn nói đến những chứng tích về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị còn lại trong ngôn ngữ A mà ngôn ngữ B đã đưa đến. Những điều này, ngôn ngữ học đã nhận thấy từ lâu, và đã dựng lên những khoa học riêng để nghiên cứu nó như địa danh học, dân tộc học - ngôn ngữ học thảo mộc học - ngôn ngữ học,... Qua sự khảo sát các từ để chỉ “cây mía” trên thế giới, người ta có thể khẳng định khá chắc chắn là cây mía bắt nguồn từ Tân Đảo, và cũng vậy người ta biết “cây chè” bắt nguồn từ Trung Quốc, danh từ để chỉ con sông nhiều vùng ở Đông Nam Á và Nam Trung Quốc về căn bản là một,... Những hiện tượng này tuy chứng minh được ưu thế không thể chối cãi được của ngôn ngữ học trong nhiều địa hạt nghiên cứu ở Đông Nam Á nhất là những địa hạt hầu như không có tài liệu vật chất chắc chắn để đoán định như fônklo, lịch sử dân tộc, lịch sử văn hóa, lịch sử các tín ngưỡng, các tên đất, các phong tục, các hiểu biết kỹ thuật từ nghề trồng lúa đến nghề đánh cá, chăn nuôi, đều có một đặc điểm chung. Chúng chỉ đề cập tới hiện tượng vay mượn từ vựng có tính chất rời rạc, ngẫu nhiên. Tiếp xúc

ngôn ngữ xét đến vấn đề căn bản nhất của ngôn ngữ là cấu trúc ngôn ngữ. Nó muốn nói đến cái cơ chế vận hành của ngôn ngữ ở đằng sau vô số hiện tượng cụ thể, tức là nó nói đến cái điều mà chỉ là nhà ngôn ngữ học mới có thể thấy được, và lý giải được.

2. Trước hết, tiếp xúc ngôn ngữ không phải là vay mượn từ vựng. Trong sự giao tiếp giữa tộc người A với tộc người B, khi tộc người A bắt gặp những đồ vật, những sự vật, mà nó không có tên gọi, và nó cũng chưa tìm được cách dịch sang ngôn ngữ của mình, tất yếu nó sẽ gọi bằng những từ để chỉ đồ vật, sự vật này của tộc người B đã đem sự vật, đồ vật ấy lại cho họ. Chính vì vậy người Việt gọi *pin*, *bơ*, *săm*, *lốp*, *xăng* theo tiếng Pháp, và cả thế giới gọi *xput - nich*, *xô-viết* theo tiếng Nga. Nhưng sự vay mượn từ dù có nhiều đến đâu đi nữa, cũng chưa chắc đã đụng chạm tới cái cấu trúc của ngôn ngữ. Sở dĩ thế là vì ngôn ngữ A (tiếng Việt chẳng hạn) dù có vay mượn hàng ngàn từ của ngôn ngữ B (chẳng hạn tiếp Pháp), nhưng các từ này khi chuyển sang A đều mang hình thức ngữ âm của A, tuân theo quy tắc cấu tạo từ của A, và khi đưa vào câu đều tuân theo cấu trúc ngữ pháp của A. Ngay cả khi số từ vay mượn to lớn đến nỗi chiếm trên dưới một nửa số từ của ngôn ngữ A, chúng ta vẫn chưa có thể nói ngay đến tiếp xúc từ vựng, bởi vì muốn nói đến tiếp xúc từ vựng thì phải chứng minh được cái mới trong cấu trúc ngữ âm, cấu trúc ngữ nghĩa và trong cấu tạo từ mà những từ vay mượn kia đem đến so

với cái cấu trúc cũ. Điều này theo chúng ta biết không phải là dễ phân biệt trong một ngôn ngữ, như tiếng Chăm chẳng hạn có lớp từ Nam Đảo, lớp từ Môn - Khơme, lớp từ Thái, lớp từ Việt, lớp từ Pali - Sanscrit, lớp từ Arập,... là chuyện dễ, nhưng chứng minh được cái mới về cấu trúc mà các lớp từ kia đưa đến cho tiếng Chăm lại là chuyện khó. Ngôn ngữ học hiện đại hiện còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu cấu trúc từ vựng.

3. Nói tiếp xúc ngôn ngữ là nói đến những thay đổi rất sâu sắc diễn ra ngay trong cấu trúc của A do B đưa đến, hay nói khác đi, nếu trong quá trình phát triển lịch sử, A không tiếp xúc với B thì tự nó không có cái diện mạo ngày nay, hay muốn có phải chờ đợi một thời gian lâu dài hơn rất nhiều, và kết quả cũng không thể hết như ngày nay được. Nhưng nói thế là chấp nhận một cách tiếp cận phần nào đối lập với truyền thống. Cho đến những năm sáu mươi, cách tiếp cận của ngôn ngữ học, nói chung là cách tiếp cận đơn ngữ luận. Theo cách tiếp cận đó, cấu trúc của một ngôn ngữ, dù là cấu trúc ngữ âm, ngữ pháp, hay ngữ nghĩa đều khép kín ở bản thân nó, do những quan hệ nội tại quy định. Sự tiếp xúc ngôn ngữ thu hẹp vào sự vay mượn từ, những cách diễn đạt, mà không tác động gì tới sự phát triển của cái cơ chế vận hành của nó. Có thể đây đó có một người vì quá quen với tiếng Trung Quốc, nói tiếng Việt lơ lơ kiểu Trung Quốc, có thể có một nhà văn trong hoàn cảnh nào đó nói theo ngữ pháp Trung Quốc “Thừa

công đức ấy ai bằng” hay “*Vân Tiên là Trục chị dâu*”, nhưng tất cả những điều này đều mang màu sắc cá nhân, không thể nhập vào ngôn ngữ được. Mọi sự giải thích và miêu tả đều phải căn cứ vào quan hệ nội tại của bản thân cái ngôn ngữ đã cho. Sự phát triển ngữ âm là do những quan hệ nội tại tạo thành những xu hướng bên trong, chẳng hạn hiện tượng hữu thanh hóa những âm tắc vô thanh từ Việt - Mường sang Việt, do đó [p] biến thành [b], [t] biến thành [d],... Tiếp xúc được xem như một sự kiện ngoài ngôn ngữ và bị gạt bỏ.

Nhưng theo cách tiếp cận song ngữ luận thì khác. Trong khi thừa nhận tính cấu trúc của ngôn ngữ và sự phát triển theo những quy luật nội tại của nó, có những trường hợp cần phải chấp nhận bên cạnh nguyên nhân nội tại có sự tiếp xúc ngôn ngữ. Sự tiếp xúc đóng vai trò một yếu tố cần phải tính đến trong sự miêu tả đồng đại cũng như trong sự phát triển lịch sử, khi qua sự khảo sát hiện tượng giao tiếp song ngữ giữa tộc người nói ngôn ngữ A với tộc người nói ngôn ngữ B, ta thấy có những hiện tượng liên quan đến cấu trúc của A do cấu trúc của B đưa đến. Đó là *cách tiếp cận song ngữ luận* (bilingualism). Nhìn theo góc độ này, một ngôn ngữ là một thể thống nhất biện chứng giữa cái cấu trúc nội tại đã có với những khả năng phát triển do một cấu trúc khác đưa lại.

Chẳng hạn, nói rằng do sự tiếp xúc với tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn tiết và có hệ thống thanh điệu, mà tiếng

Chăm từ chỗ là một ngôn ngữ đa tiết và không có thanh điệu đang trên đường chuyển thành một ngôn ngữ đơn tiết và có thanh điệu; hay tiếng Thái Lan vì tiếp xúc với tiếng Khơme mà có thêm một vài nguyên âm, hay vì tiếp xúc với các ngôn ngữ châu Âu mà các ngôn ngữ Thái Lan, Việt Nam, Miến Điện đều biểu lộ một xu hướng mạnh mẽ đang xích lại gần ngữ pháp châu Âu bằng biện pháp sao phỏng ngữ pháp, đó đều là những cách nói theo cách tiếp cận song ngữ luận. Mặc dù những cách nói tương tự không phải là hiếm thấy trong các tài liệu ngôn ngữ học, nhưng điều quan trọng đối với một người làm ngôn ngữ học không phải là nói như thế này hay thế nọ, mà là ở chỗ phải nhận thức được cái nguyên lý phương pháp luận của mỗi kết luận ngôn ngữ học của mình. Những cách nói như trên chỉ có giá trị ngôn ngữ học khi ta chứng minh được không phải trong ngôn ngữ A hay ngôn ngữ B có hiện tượng này. Một nguyên lý ngôn ngữ học phải có giá trị khái quát, toàn nhân loại. Dù cho tình trạng ngôn ngữ có đa dạng đến đâu đi nữa vẫn chỉ có những nguyên lý ngôn ngữ học chung cho tất cả các ngôn ngữ của loài người, không có một ngôn ngữ học cho những ngôn ngữ không biến hóa về hình thái ngữ pháp và có thanh điệu, đơn tiết, đối lập với một ngôn ngữ học dành cho các ngôn ngữ biến hóa hình thái, đa tiết và không có thanh điệu. Do đó, chúng ta chỉ có quyền chấp nhận lời tiếp cận song ngữ luận với những điều kiện sau đây:

a) Sự tiếp xúc ngôn ngữ là có thực, tức là có hiện tượng một ngôn ngữ A thay đổi cấu trúc vì tiếp xúc với ngôn ngữ B. Đây là một hiện tượng chung cho ngôn ngữ loài người, chứ không phải là ngoại lệ, mặc dù cách biểu hiện ở mỗi loại hình ngôn ngữ một khác, sự khác nhau ấy là do loại hình ngôn ngữ quy định. Quả táo rụng thì rơi từ trên cây xuống, quả bóng khinh khí cầu bay lên không, hiện tượng nhìn bên ngoài rất khác nhau, nhưng quy luật Newton vẫn có tác dụng trong mọi trường hợp.

b) Cách nhìn đơn ngữ luận vẫn thống trị cho đến những năm 60 của thế kỷ XX cả về mặt lịch sử cũng như về mặt miêu tả đồng đại là xuất phát từ cách nhìn một loại hình ngôn ngữ riêng, loại hình ngôn ngữ biến tố của các ngôn ngữ Ấn - Âu. Đối với loại hình ngôn ngữ này rõ ràng cách nhìn đơn ngữ luận không gặp trở ngại gì đáng kể, nhưng mặc dù thế, ngay trong lĩnh vực đối tượng này, nó cũng tỏ ra phần nào chật hẹp và cần được bổ sung bằng cách nhìn mới. Còn đối với các ngôn ngữ Đông Nam Á thì cách tiếp cận song ngữ luận là cần thiết và chính đáng. Gạt bỏ nó khó lòng đạt được một sự miêu tả khách quan cũng như một sự nghiên cứu lịch sử thực sự thích đáng.

c) Thế giới của một ngôn ngữ không phải là một thế giới riêng, chỉ tuân theo những quy luật của chính nó. Cần phải chú ý thích đáng đến những sự kiện mà cho đến nay người ta vẫn cho là ngoài ngôn ngữ: tiếp xúc với các ngôn